

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Thang Đức Thắng	Chủ tịch
Bà Chu Thị Thanh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Trương Đình Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2013)
Ông Nguyễn Lâm Phương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2013)
Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2013)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Khoa	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2013)
Ông Nguyễn Đắc Việt Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2013)
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Ngọc	Giám đốc tài chính

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN**  
**FPT**  
Nguyễn Văn Khoa  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 02 năm 2014

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Đức Nguyễn  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Ngày 28 tháng 02 năm 2014  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Quang Trung  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0733-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại 31 tháng 12 năm 2013

**MÃ SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>222.722.208.342</b>	<b>205.089.821.428</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>139.505.495.401</b>	<b>84.963.515.119</b>
1. Tiền	111		17.935.195.827	20.998.458.423
2. Các khoản tương đương tiền	112		121.570.299.574	63.965.056.696
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	4.000.000.000
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.970.136.521</b>	<b>111.107.397.398</b>
1. Phải thu khách hàng	131		61.414.627.652	58.542.312.225
2. Trả trước cho người bán	132		2.697.741.211	2.348.515.553
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.686.060.443	50.579.450.470
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(828.292.785)	(362.880.850)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.240.641.784</b>	<b>1.408.957.847</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.240.641.784	1.408.957.847
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.005.934.636</b>	<b>3.609.951.064</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.018.077.587	3.609.951.064
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.987.857.049	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>181.115.126.497</b>	<b>171.057.697.947</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>34.327.004.272</b>	<b>57.650.233.917</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	25.511.996.889	46.126.979.088
- Nguyên giá	222		82.847.071.389	104.163.083.634
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.335.074.500)	(58.036.104.546)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.570.157.383	2.931.870.567
- Nguyên giá	228		26.627.278.335	26.342.237.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.057.120.952)	(23.410.367.247)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	7.244.850.000	8.591.384.262
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>25.282.604.719</b>	<b>40.365.327.543</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	30.444.687.917	35.300.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		5.065.327.543	5.065.327.543
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(10.227.410.741)	-
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>121.505.517.506</b>	<b>73.042.136.487</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	116.042.618.798	68.994.520.187
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	4.920.478.758	1.310.166.424
3. Tài sản dài hạn khác	268		542.419.950	2.737.449.876
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>403.837.334.839</b>	<b>376.147.519.375</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

002-  
INH  
TY  
HUU H  
FTE  
AM  
100

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

**MẪU SỐ B 01-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>190.710.509.378</b>	<b>131.097.542.232</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>190.710.241.338</b>	<b>131.092.218.972</b>
1. Phải trả người bán	312	13.674.199.230	5.895.816.585
2. Người mua trả tiền trước	313	6.374.064.232	465.890.268
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.444.022.985	10.813.588.123
4. Phải trả người lao động	315	2.729.970.879	58.815.569
5. Chi phí phải trả	316	44.337.437.173	31.814.509.075
6. Phải trả nội bộ	317	74.786.173.377	55.940.329.041
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	13.896.092.350	1.967.738.074
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	11.138.402.972	22.414.223.806
9. Doanh thu chưa thực hiện	338	18.329.878.140	1.721.308.431
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>268.040</b>	<b>5.323.260</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	268.040	5.323.260
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>213.126.825.461</b>	<b>245.049.977.143</b>
<b>I. Vốn cổ đông</b>	<b>410</b>	<b>213.126.825.461</b>	<b>245.049.977.143</b>
1. Vốn điều lệ	411	140.853.360.000	140.853.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	12.944.062.045	12.944.062.045
3. Cổ phiếu quỹ	414	(261.410.000)	(89.750.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	59.590.813.416	91.342.305.098
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>403.837.334.839</b>	<b>376.147.519.375</b>

Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
 Người lập biểu

Hồ Quốc Quân  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa  
 Giám đốc điều hành  
 Ngày 28 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		833.452.755.906	715.630.728.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.383.919.981	3.282.799.650
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	824.068.835.925	712.347.929.191
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	20	507.307.704.899	371.215.019.965
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		316.761.131.026	341.132.909.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.374.710.919	4.965.977.140
7. Chi phí tài chính	22		10.350.989.189	218.819.218
8. Chi phí bán hàng	24		82.248.398.515	60.515.798.232
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		114.763.374.739	104.372.151.780
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		113.773.079.502	180.992.117.136
11. Thu nhập khác	31		1.275.283.136	142.524.846
12. Chi phí khác	32		3.859.653.018	745.030.232
13. Lỗ khác (40=31-32)	40		(2.584.369.882)	(602.505.386)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		111.188.709.620	180.389.611.750
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	29.743.300.093	43.782.508.881
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	(3.610.312.333)	390.908.687
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		85.055.721.860	136.216.194.182

Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
Người lập biểu

Hồ Quốc Quân  
Kế toán trưởng





Nguyễn Văn Khoa  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 02 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2013	2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	111.188.709.620	180.389.611.750
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	19.924.272.843	21.049.559.818
Các khoản dự phòng	03	10.692.822.676	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(273.831.791)	(22.608.329)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.130.934.020)	(4.965.977.140)
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	136.401.039.328	196.450.586.099
Biến động các khoản phải thu	09	42.030.526.155	(12.980.015.367)
Biến động hàng tồn kho	10	839.650.206	(1.455.667.590)
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	52.960.598.365	(17.353.174.171)
Biến động chi phí trả trước	12	(47.480.377.497)	(12.641.577.243)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.033.985.617)	(57.375.700.781)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(170.982.812)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	152.546.468.128	94.644.450.947
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(2.633.750.282)	(11.003.980.306)
2. Thu từ thanh lý tài sản	22	1.069.045.934	248.384.144
3. Tăng các khoản đầu tư	25	-	(16.865.327.543)
4. Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư ngắn hạn	26	4.855.312.083	-
5. Lãi tiền gửi nhận được	27	4.100.879.128	4.965.977.140
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	7.391.486.863	(22.654.946.565)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông	31	-	2.375.180.000
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(171.660.000)	179.510.000
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(105.498.146.500)	(77.435.709.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(105.669.806.500)	(74.881.019.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	54.268.148.491	(2.891.515.118)
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</i>	60	84.963.515.119	87.855.030.237
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61	273.831.791	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</i>	70	139.505.495.401	84.963.515.119

  
 Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
 Người lập biểu

  
 Hồ Quốc Quân  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Văn Khoa  
 Giám đốc điều hành  
 Ngày 28 tháng 02 năm 2014



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Trực tuyến FPT (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh lần 10 của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305045911 ngày 20 tháng 5 năm 2013.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT. Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Công ty Cổ phần FPT.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 836 (31 tháng 12 năm 2012: 824).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ viễn thông, dịch vụ quảng cáo trực tuyến, dịch vụ truy cập internet, dịch vụ truy cập dữ liệu, dịch vụ xử lý số liệu và thông tin trên mạng internet, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử; kinh doanh các trò chơi điện tử và các dịch vụ trực tuyến khác.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

002  
ÁNH  
TY  
THƯỜNG  
TTE  
NAM  
CỔ C

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (Tiếp theo)****Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trọng năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn và ký quỹ, ký cược dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2013
	Số năm
Máy móc, thiết bị	3 – 5
Thiết bị văn phòng	1 – 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm chi phí mua giấy phép kinh doanh trò chơi trực tuyến và phần mềm máy tính. Chi phí mua giấy phép và phần mềm vô hình được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị và chi phí lãi vay hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm phí bản quyền và các chi phí ban đầu khác để cài đặt đưa các trò chơi trực tuyến vào sử dụng.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Công ty con là một công ty mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại các đơn vị này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê nhà, chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website, và các loại chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê nhà thể hiện số tiền thuê nhà đã được trả trước. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí bản quyền trả trước, chi phí xây dựng website và các loại chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ bán thẻ trò chơi trực tuyến trả trước được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các đơn vị thời gian khách hàng sử dụng thẻ trả trước thực tế. Sau đó, bất kỳ khoản trả trước nào chưa sử dụng sẽ được ghi nhận là thu nhập khi hết hạn sử dụng theo chính sách về hạn sử dụng đã ban hành.

**Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

2500  
I NH  
ONG  
NHIEP  
LOI  
ET  
TP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm được trích lập không vượt quá 10% lợi nhuận thuần sau thuế và phụ thuộc vào phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	413.434.018	296.819.245
Tiền gửi ngân hàng	17.521.761.809	20.701.639.178
Các khoản tương đương tiền	121.570.299.574	63.965.056.696
	<u><u>139.505.495.401</u></u>	<u><u>84.963.515.119</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Đô la Mỹ và đồng Việt Nam với mức lãi suất từ 0,25% đến 6,9% một năm (năm 2012: từ 0,5% đến 14% một năm). Thời hạn của khoản tiền gửi này là 1 tháng kể từ ngày bắt đầu gửi tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư FPT	3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty TNHH Đầu tư FC	300.000.000	300.000.000
	<u>4.000.000.000</u>	<u>4.000.000.000</u>

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản ủy thác đầu tư có thời hạn 1 năm từ tháng 3 năm 2013 đến tháng 3 năm 2014.

**7. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ứng tiền xây dựng nhà văn phòng	-	50.000.000.000
Phải thu khác	1.686.060.443	579.450.470
	<u>1.686.060.443</u>	<u>50.579.450.470</u>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	3.189.859.526	100.973.224.108	104.163.083.634
Tăng trong năm	-	2.304.265.005	2.304.265.005
Tăng khác	-	114.439.001	114.439.001
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(1.146.295.576)	(19.613.583.572)	(20.759.879.148)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.189.063.959)	(2.189.063.959)
Giảm khác	-	(785.773.144)	(785.773.144)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<u>2.043.563.950</u>	<u>80.803.507.439</u>	<u>82.847.071.389</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	2.654.938.860	55.381.165.686	58.036.104.546
Khấu hao trong năm	183.927.253	18.049.147.129	18.233.074.382
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(870.885.557)	(15.913.145.954)	(16.784.031.511)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.150.072.917)	(2.150.072.917)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<u>1.967.980.556</u>	<u>55.367.093.944</u>	<u>57.335.074.500</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013	<u>75.583.394</u>	<u>25.436.413.495</u>	<u>25.511.996.889</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>534.920.666</u>	<u>45.592.058.422</u>	<u>46.126.979.088</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 34.985.855.584 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 35.304.706.552 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giấy phép VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	20.129.700.449	6.212.537.365	26.342.237.814
Tăng trong năm	-	329.485.277	329.485.277
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(27.323.438)	(17.121.318)	(44.444.756)
Tại ngày 31/12/2013	<u>20.102.377.011</u>	<u>6.524.901.324</u>	<u>26.627.278.335</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	20.129.700.449	3.280.666.798	23.410.367.247
Khấu hao trong năm	-	1.691.198.461	1.691.198.461
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(27.323.438)	(17.121.318)	(44.444.756)
Tại ngày 31/12/2013	<u>20.102.377.011</u>	<u>4.954.743.941</u>	<u>25.057.120.952</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>1.570.157.383</u>	<u>1.570.157.383</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>-</u>	<u>2.931.870.567</u>	<u>2.931.870.567</u>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tại ngày 1/1	8.591.384.262	6.224.340.000
Tăng trong năm	8.930.350.000	11.267.823.151
Giảm khác	(10.276.884.262)	(8.900.778.889)
Tại ngày 31/12	<u>7.244.850.000</u>	<u>8.591.384.262</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị khoản đầu tư (VND)	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	Số 357 Phố Thống Nhất, Thị trấn Me, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	3.000.000.000	60,00%	Phân phối thẻ trả trước: thẻ game, thẻ viễn thông
Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT	Số 153, Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	3.000.000.000	60,00%	Sản xuất phần mềm
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	Số 408 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	19.444.687.917	71,84%	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng internet, dịch vụ truy cập và xử lý số liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT	Tầng 4, Tòa nhà Hà Thành, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, Hà Nội	5.000.000.000	100,00%	Cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
		<u>30.444.687.917</u>		

Trong năm 2013, Công ty đã rút một phần vốn góp tại Công ty Cổ phần FPT Payment Technology với số tiền là 4.855.312.083 đồng. Ngoài ra, các công ty khác cũng rút một phần vốn góp với số tiền tương ứng là 6.913.620.000 đồng. Theo đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã sở hữu 71,84% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần FPT Payment Technology và có quyền biểu quyết tương đương 71,84%.

Trong năm 2013, Công ty Cổ phần FPT Payment Technology, Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate và Công ty Cổ phần Phần mềm Trực tuyến FPT đã tạm ngừng hoạt động và đang làm thủ tục giải thể.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Bản quyền, phần mềm	42.208.401.452	62.706.173.801
Công cụ, dụng cụ và chi phí trả trước dài hạn khác	73.834.217.346	6.288.346.386
Tại ngày 31 tháng 12	<u>116.042.618.798</u>	<u>68.994.520.187</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước:

	Doanh thu chưa thực hiện VND
Tại ngày 01/01/2012	1.701.075.111
Chuyển sang lợi nhuận	<u>(390.908.687)</u>
Tại ngày 01/01/2013	1.310.166.424
Chuyển sang lợi nhuận	<u>3.610.312.334</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u><u>4.920.478.758</u></u>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	204.312.059	2.625.015.164
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.425.857.510	5.545.560.221
Thuế thu nhập cá nhân	509.913.287	1.329.938.031
Các loại thuế khác	1.303.940.129	1.313.074.707
	<u><u>5.444.022.985</u></u>	<u><u>10.813.588.123</u></u>

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Kinh phí công đoàn	(378.929.760)	385.763.682
Bảo hiểm xã hội	433.733.406	453.668.146
Bảo hiểm y tế	29.809.234	51.774.412
Bảo hiểm thất nghiệp	16.883.087	56.807.591
Các khoản phải trả khác	13.794.596.383	1.019.724.243
	<u><u>13.896.092.350</u></u>	<u><u>1.967.738.074</u></u>

Khoản phải trả khác 13.794.596.383 đồng thể hiện số tiền nhận được từ Công ty Cổ phần FPT Payment Technology để Công ty đứng ra đại diện Công ty Cổ phần FPT Payment Technology thực hiện các thủ tục giải thể.

**16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Trong năm 2013, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tạm trích Quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 11.138.084.230 đồng. Việc phân chia quỹ này cũng như phương án phân chia lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 dự kiến sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	1.721.308.431	3.284.943.177
Tăng trong năm	20.695.534.319	1.721.308.430
Ghi nhận doanh thu trong năm	<u>(4.086.964.610)</u>	<u>(3.284.943.176)</u>
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b><u>18.329.878.140</u></b>	<b><u>1.721.308.431</u></b>

**18. VỐN CỔ ĐÔNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các cổ đông của Công ty bao gồm:

Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị VND
Công ty Cổ phần FPT	2.106.666	14,96	21.066.660.000
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	8.327.758	59,12	83.277.580.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư FPT	1.402.220	9,96	14.022.200.000
Cổ đông ưu đãi	19.000	0,13	190.000.000
Cổ đông phổ thông khác	2.229.692	15,83	22.296.920.000
	<b><u>14.085.336</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>140.853.360.000</u></b>

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	<b>14.085.336</b>	<b>140.853.360.000</b>	<b>14.085.336</b>	<b>140.853.360.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	13.725.001	137.250.010.000	13.725.001	137.250.010.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	360.335	3.603.350.000	360.335	3.603.350.000
	<b><u>14.085.336</u></b>	<b><u>140.853.360.000</u></b>	<b><u>14.085.336</u></b>	<b><u>140.853.360.000</u></b>
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	(26.141)	(261.410.000)	(8.975)	(89.750.000)
	<b><u>(26.141)</u></b>	<b><u>(261.410.000)</u></b>	<b><u>(8.975)</u></b>	<b><u>(89.750.000)</u></b>
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	13.725.001	137.250.010.000	13.725.001	137.250.010.000
Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	334.194	3.341.940.000	351.360	3.513.600.000
	<b><u>14.059.195</u></b>	<b><u>140.591.950.000</u></b>	<b><u>14.076.361</u></b>	<b><u>140.763.610.000</u></b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. VỐN CỔ ĐÔNG (Tiếp theo)**

Cổ phiếu quỹ phân ánh số cổ phiếu mua lại từ những nhân viên cũ không còn làm việc tại Công ty. Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu có mệnh giá là 10.000 VND. Các cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu này phải chịu hạn chế mà theo đó cổ đông nắm giữ các cổ phiếu này không được bán lại các cổ phiếu mà họ nắm giữ trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày phát hành.

**Cổ tức**

Theo Thông báo của Hội đồng Quản trị Công ty số 02-2013/TB-FO ngày 13 tháng 5 năm 2013 và Thông báo số 03-2013/TB-FO ngày 03 tháng 12 năm 2013, Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức đợt I và đợt II năm 2013 bằng tiền với tỷ lệ cổ tức là 50%/mệnh giá cổ phần, tương đương với số tiền 70.320.119.000 đồng.

TR

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**MÀU SỐ B 09-DN**

**18. VỐN CỔ ĐÓNG (Tiếp theo)**

Tình hình biến động vốn cổ đông trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	103.899.850.000	12.944.062.045	(269.260.000)	82.943.178.557	199.517.830.602
Phát hành cổ phiếu	2.375.180.000	-	-	-	2.375.180.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	179.510.000	-	179.510.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	136.216.194.182	136.216.194.182
Tặng khác	34.578.330.000	-	-	(34.578.330.000)	-
Trích từ lợi nhuận	-	-	-	(15.803.028.141)	(15.803.028.141)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(77.435.709.500)	(77.435.709.500)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>140.853.360.000</b>	<b>12.944.062.045</b>	<b>(89.750.000)</b>	<b>91.342.305.098</b>	<b>245.049.977.143</b>
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(171.660.000)	-	(171.660.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	85.055.721.860	85.055.721.860
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(11.138.084.230)	(11.138.084.230)
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(105.498.146.500)	(105.498.146.500)
Giảm khác	-	-	-	(170.982.812)	(170.982.812)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2013</b>	<b>140.853.360.000</b>	<b>12.944.062.045</b>	<b>(261.410.000)</b>	<b>59.590.813.416</b>	<b>213.126.825.461</b>

(\*): Trong năm 2013, Công ty đã công bố chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2012 và tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận năm 2013 cho các cổ đông với số tiền là 105.498.146.499 VND, chi tiết như sau:

- Theo Nghị quyết số 02-2013/FO/NQ-DHDCD ngày 02 tháng 4 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt chia cổ tức của năm 2012 là 80% trên mệnh giá cổ phần (8.000 đồng/cổ phần) tương đương với số tiền 112.613.737.000 đồng. Trừ số đã tạm ứng trong năm 2012, số cổ tức được công bố và chia trong năm 2013 là 35.178.027.500 VND.
- Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 năm 2013 với tỷ lệ 30%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 42.203.505.000 VND tại Thông báo số 02-2013/TB-FO của HĐQT ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.
- Tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2013 với tỷ lệ 20%/mệnh giá cổ phần, tổng số tiền 28.116.614.000 VND tại Thông báo số 03-2013/TB-FO của HĐQT ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng Quản trị.

(\*\*): Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: xem Thuyết minh số 16.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2013 VND	2012 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>833.452.755.906</b>	<b>715.630.728.841</b>
Trong đó:		
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	123.575.144.451	-
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	709.877.611.455	715.630.728.841
Các khoản giảm trừ doanh thu	(9.383.919.981)	(3.282.799.650)
- <i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<u>(9.383.919.981)</u>	<u>(3.282.799.650)</u>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>824.068.835.925</u></b>	<b><u>712.347.929.191</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2013 VND	2012 VND
Giá vốn bán hàng hóa	56.412.668.093	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	450.895.036.806	371.215.019.965
	<u>507.307.704.899</u>	<u>371.215.019.965</u>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nhân công	138.809.932.040	109.600.213.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.924.272.843	46.178.605.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	217.781.733.853	139.568.831.437
Các chi phí khác	327.803.539.417	240.755.319.404
	<u>704.319.478.153</u>	<u>536.102.969.977</u>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi	4.100.879.128	4.965.977.140
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	273.831.791	-
	<u>4.374.710.919</u>	<u>4.965.977.140</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>111.188.709.620</b>	<b>180.389.611.750</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện năm nay	(9.176.044.122)	(309.835.517)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		
Phân bổ từ doanh thu chưa thực hiện năm trước	(1.721.308.430)	(3.284.943.176)
Thu nhập không chịu thuế khác	(881.743.412)	(710.176.953)
Cộng: Doanh thu dịch vụ nhận trước đã xuất hóa đơn	18.329.878.143	1.721.308.430
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ		
Chi phí liên quan đến doanh thu chưa thực hiện năm trước	309.835.517	599.144.865
Chi phí không hợp lý	923.873.042	828.818.664
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>118.973.200.358</b>	<b>179.233.928.063</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
Giảm trừ thuế nộp thừa 2011	-	(1.025.973.135)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>29.743.300.093</b>	<b>43.782.508.881</b>
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (i)	<u>(3.610.312.333)</u>	<u>390.908.687</u>
	<b><u>26.132.987.760</u></b>	<b><u>44.173.417.568</u></b>

- (i) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận liên quan đến chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chênh lệch tạm thời được khấu trừ thể hiện các khoản doanh thu chưa thực hiện ghi nhận trên bảng cân đối kế toán cho mục đích kế toán nhưng đã bao gồm trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm nay.

**24. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

	2013 <u>VND</u>	2012 <u>VND</u>
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	7.414.477.653	18.096.999.880
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	9.374.645.484	17.701.339.035
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	15.120.981.936	44.319.349.076
Trên năm năm	48.162.784.761	8.802.433.500
	<b><u>72.658.412.181</u></b>	<b><u>70.823.121.611</u></b>

Các khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện:

- Số tiền thuê nhà tại Tầng 5 tòa nhà FPT Cầu Giấy, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội theo Hợp đồng thuê nhà thời hạn 20 tháng từ ngày 01/01/2012 đến 30/7/2013;
- Số tiền thuê nhà tại Khu chế xuất Tân Thuận theo Hợp đồng thuê số 01-2010/TANTHUAN-FTEL với thời gian thuê từ ngày 01/01/2013 đến 23/09/2041.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	139.505.495.401	84.963.515.119
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.272.395.310	108.758.881.845
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	4.000.000.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	542.419.950	2.737.449.876
<b>Tổng cộng</b>	<b>206.320.310.661</b>	<b>200.459.846.840</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	102.254.968.990	62.855.869.869
Chi phí phải trả	44.337.437.173	31.814.509.075
<b>Tổng cộng</b>	<b>146.592.406.163</b>	<b>94.670.378.944</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đô la Mỹ (USD)	14.265.822.732	8.571.866.406	2.164.519.276	-

***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ***

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng với số tiền là 121.013.035 đồng (2012: 85.718.664 đồng).

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2013			
Tiền và tương đương tiền	139.505.495.401	-	139.505.495.401
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.272.395.310	-	62.272.395.310
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	-	542.419.950	542.419.950
<b>Tổng cộng</b>	<b>205.777.890.711</b>	<b>542.419.950</b>	<b>206.320.310.661</b>
31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	102.254.968.990	-	102.254.968.990
Chi phí phải trả	44.337.437.173	-	44.337.437.173
<b>Tổng cộng</b>	<b>146.592.406.163</b>	<b>-</b>	<b>146.592.406.163</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>59.185.484.548</b>	<b>542.419.950</b>	<b>59.727.904.498</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và tương đương tiền	84.963.515.119	-	84.963.515.119
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.758.881.845	-	108.758.881.845
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Ký quỹ ký cược dài hạn	-	2.737.449.876	2.737.449.876
<b>Tổng cộng</b>	<b>197.722.396.964</b>	<b>2.737.449.876</b>	<b>200.459.846.840</b>
31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	62.855.869.869	-	62.855.869.869
Chi phí phải trả	31.814.509.075	-	31.814.509.075
<b>Tổng cộng</b>	<b>94.670.378.944</b>	<b>-</b>	<b>94.670.378.944</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>103.052.018.020</b>	<b>2.737.449.876</b>	<b>105.789.467.896</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

10-4  
HÁI  
G T  
EMH  
SIT  
N  
H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Thương mại FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	Cùng tập đoàn
Trường Đại học FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm trực tuyến FPT	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	Công ty con
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	Công ty con
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Trực tuyến Quốc tế FPT	Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2013</u>	<u>2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	1.937.169.171	142,658,750
Công ty Cổ phần FPT	4.000.000.000	3,500,000,000
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	1.044.059.675	194,457,400
Trường Đại học FPT	637.690.205	312,000,000
Công ty Cổ phần Phần mềm trực tuyến FPT	16.041.249	501,140,300
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	195.136.919.019	274,858,070,924
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	67.267.313	140,531,568
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	<u>3.291.563.564</u>	<u>2.165,045,671</u>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	93.305.539.357	30,210,831,142
Công ty Cổ phần FPT	8.074.599.645	11.115.000.178
Công ty Cổ phần Thương mại FPT	2.310.158.059	3.670.184.289
Công ty Cổ phần Hệ thống Thông tin FPT	1.599.021.188	2.793.767.800
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	611.800.546	1.872.508.435
Công ty Cổ phần Phần mềm FPT	2.101.128	-
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	107.903.677	104,545,454
Công ty Cổ phần Phần mềm trực tuyến FPT	19.222.641.249	58.500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	<u>154.069.973.610</u>	<u>66.449.242.512</u>
<b>Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc trong năm</b>	<u>3.076.266.000</u>	<u>3.025.672.727</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN FPT**153 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	51.005.000	35.200.000
Trường Đại học FPT	27.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	-	3.980.852.787
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Viễn thông FPT	2.394.717.392	1.964.350.584
Công ty Cổ phần FPT	3.724.167.642	533.284.032
Công ty Cổ phần Phần mềm trực tuyến FPT	57.027.502.133	49.701.597.287
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gate	8.001.289.600	-
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	-	4.527.663.310
Công ty TNHH Một thành viên dịch vụ trực tuyến quốc tế FPT	4.102.978.319	3.229.486.615
<b>Các khoản phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần FPT Payment Technology	<u>13.794.596.383</u>	<u>-</u>

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

Nguyễn Ngọc Duy Sinh  
Người lập biểuHồ Quốc Quân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 02 năm 2014